

**CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN MASAN**
MASAN GROUP CORPORATION

Số: 184/2026
No.: 184/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Tp. HCM, ngày 02 tháng 06 năm 2026
Ho Chi Minh City, June 02, 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRA-ORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh
To: *State Securities Commission of Vietnam*
Hanoi Stock Exchange
Ho Chi Minh Stock Exchange



1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Name of organization: Masan Group Corporation

Mã chứng khoán/Mã thành viên: **MSN**

Stock code/ Broker code: MSN

Địa chỉ: Số 23 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh

Address: No. 23 Le Duan, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City

Điện thoại liên hệ/Tel.: 28 6256 3862

Fax: 28 3827 4115

2. Nội dung thông tin công bố:

- Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 181/2026/NQ-HĐQT và số 183/2026/NQ-HĐQT ngày 01/06/2026 liên quan đến việc phát hành cổ phần mới theo chương trình lựa chọn cho người lao động (chương trình ESOP).

Contents of disclosure:

- *Resolution of Board of Directors No. 181/2026/NQ-HDQT and No. 183/2026/NQ-HDQT dated 01 June, 2026 regarding the issuance of new shares under the Employee Stock Ownership Plan (ESOP).*

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 02/06/2026 tại đường dẫn <https://masangroup.com/vi/investor-relations.html>

This information was disclosed in the folder Corporate Announcements of section Investor Center on the Company's website on June 02, 2026 at <https://masangroup.com/investor-relations.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố như nêu tại Mục 2;

Documents related to disclosed information at mentioned in Item 2.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION REPRESENTATIVE
Người được ủy quyền công bố thông tin
Authorized representative for information disclosure
LUẬT SƯ TRƯỞNG / GENERAL COUNSEL



TRẦN PHƯƠNG BẮC



No. 181/2026/NQ-HDQT

Ho Chi Minh City, 1 June 2026

**RESOLUTIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
MASAN GROUP CORPORATION**

BOARD OF DIRECTORS

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 17 June 2020;
- Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26 November 2019;
- Pursuant to the Charter of Masan Group Corporation (the “Company”) dated 24 April 2026;
- Pursuant to the Resolutions of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of the Company No. 132/2026/NQ-DHDCD dated 24 April 2026; and
- Pursuant to the Vote Counting Minutes No. 180/2026/BBKP-HDQT dated 1 June 2026 about collecting Board of Directors’s opinion.

RESOLVE:

Article 1: Approving the issuance of new shares under the employee stock option plan (ESOP) in accordance with Article 8 of the Resolutions of the General Meeting of Shareholders No. 132/2026/NQ-DHDCD dated 24 April 2026 as follows:

- Name of share: share of Masan Group Corporation.
- The total number of the Company’s outstanding shares: 1,520,491,927 shares.
 - Total outstanding ordinary shares: 1,445,915,457 shares
 - Total outstanding preference shares: 74,576,470 shares
- The proposed number of new shares to be issued under the ESOP: 14,459,154 shares, equivalent to 1% of the Company’s total outstanding ordinary shares.
- Type of shares to be issued: ordinary shares.
- Par value: VND10,000/share.
- Issuance price: VND10,000/share.
- Proposed subscribers: the employees of the Company, its subsidiaries who (i) have outstanding performance, significant contribution to the businesses and operations of the Company, its subsidiaries which results in the long term growth of the Company, its subsidiaries.
- Criteria for determining shares to be distributed to each employee: will be provided in the Policy on Issuance of Shares Under the ESOP in 2026.



- Principles to determine the allocation of ESOP shares: will be provided in the Policy on Issuance of Shares Under the ESOP in 2026.
- Dealing with number of shares which have not been subscribed: after the end of the registration period and payment for shares, if the employee does not buy all the shares expected to be issued, the shares not purchased will not continue to be offered for sale, and the actual purchase shares will be recorded.
- Implementation timing: tentatively in 2026 or the first four months of 2027, in accordance with the provisions of law and disclose information according to regulations.
- Lock-up: all new shares issued under the ESOP shall be restricted from transferring within 1 year from the date of completion of the issuance (i.e., the date on which payment for the shares by the employees is completed).

Article 2: Approving the plan of ensuring the issuance of new shares in compliance with regulations on limitation on foreign ownership:

- Maximum percentage of foreign ownership at the Company: 100% of the Company's charter capital.
- Proposed number of shares to be issued to employees who are foreign investors under ESOP accounts for 2.96% of the total number of ESOP shares to be issued under the plan provided in Article 1.
- Therefore, the issuance of shares under ESOP is following the limitation on foreign ownership of the Company.

Article 3: To approve the plan for the use of proceeds from the share issuance: the proceeds expected to be raised from the issuance, totaling VND 144,591,540,000 shall be used to pay employee wages, settle payments to suppliers, repay short-term and long-term loans, and pay bond principal and interest.

Article 4: To designate Mr. Nguyen Dang Quang – Chairman or Mr. Le Danny – Chief Executive Officer:

1. to decide on the implementation time and documents submitted to competent authorities related to the issuance of shares under the ESOP program;
2. to record the actual number of registrations to buy, do not continue to offer shares that are not fully purchased (if any) according to the principles specified in Article 1;
3. to sign contracts, agreements and other documents related to the issuance of new shares under the ESOP;
4. to implement required procedures to increase the charter capital at the Department of Finance of Ho Chi Minh City, to implement additional securities registration for number of new shares actually issued with the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation and additional listing of these number of new shares on Ho Chi Minh City Stock Exchange;
5. to amend the Company's Charter in relation to the charter capital based on the number of new shares actually issued under the ESOP; and
6. to implement all other required actions to complete the issuance of new shares under the ESOP.

Article 5: The Board of Management, relevant individuals and departments are responsible for implementing these Resolutions.

Article 6: These Resolutions take force and effect from the date hereof.

ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS 
CHAIRMAN



NGUYEN DANG QUANG



No. 183 /2026/NQ-HDQT

Ho Chi Minh City, 1 June, 2026

**RESOLUTIONS OF THE BOARD OF DIRECTORS
MASAN GROUP CORPORATION**

BOARD OF DIRECTORS

- Pursuant to the Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 17 June 2020;
- Pursuant to the Securities Law No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam on 26 November 2019;
- Pursuant to the Charter of Masan Group Corporation (the “**Company**”) dated 24 April 2026;
- Pursuant to the Resolutions of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of the Company No. 132/2026/NQ-DHDCD dated 24 April 2026; and
- Pursuant to the Vote Counting Minutes No. 182 /2026/BBKP-HDQT dated 1 June, 2026 about collecting Board of Directors’s opinion.

RESOLVE:

- Article 1.** Approving the Company promulgating the Policy on the program of issuance of shares under the employee stock option plan (ESOP) in 2026 of the Company as attached.
- Article 2.** Approving the list of employees participating in the issuance of shares under the employee stock option plan (ESOP) as specified in the attached appendix.
- Article 3.** The Board of Management, relevant individuals and departments are responsible for implementing these Resolutions.
- Article 4.** These Resolutions take force and effect from the date hereof.

**ON BEHALF OF THE BOARD OF DIRECTORS
CHAIRMAN**



NGUYEN DANG QUANG

LIST OF EMLPOYEEES TO PARTICIPATE IN THE ISSUANCE OF SHARES UNDER ESOP

(attached in Resolutions of Board of Directors No. 188 /2026/NQ-HDQT dated 1 June, 2026)

NO.	FULL NAME
1.	Nguyễn Thị Hải Yến
2.	Vũ Thị Thu Thủy
3.	Phạm Thị Hồng Vân
4.	Đoàn Thị Mỹ Duyên
5.	Nguyễn Mai Hoàng Tuấn
6.	Nguyễn Tâm Thanh
7.	Hoàng Quốc Việt
8.	Lê Minh Chuyên
9.	Mai Trung Dũng
10.	Trần Huỳnh Thy
11.	Lê Hồ Khắc Huy
12.	Lê Thị Thùy Trang
13.	Trịnh Thái Sơn
14.	Nguyễn Ngọc Cẩm Uyên
15.	Huỳnh Thị Mai Linh
16.	Nguyễn Thanh Tùng
17.	Bùi Nhật Hạ
18.	Phạm Anh Sơn
19.	Huỳnh Văn Phương
20.	Dư Văn Nga
21.	Nguyễn Trọng Anh
22.	Phạm Văn Đô La
23.	Phan Văn Hoàng Sơn
24.	Lê Cảnh Hạnh
25.	Nguyễn Huy Hùng
26.	Tạ Minh Anh
27.	Nguyễn Quỳnh Lâm
28.	Nguyễn Thu Hiền
29.	Huỳnh Minh Đạo
30.	Ngô Thị Nhật Bình
31.	Trần Hà Chung
32.	Nguyễn Thị Phương Trà
33.	Đỗ Thị Phương Thúy
34.	Nguyễn Thanh Cúc
35.	Lê Thị Nga
36.	Phạm Hải Triều
37.	Thiệu Ngọc Dân Thịnh
38.	Tạ Thị Thùy Trang
39.	Trần Quốc Trung
40.	Phan Công Thiện
41.	Trần Hoàng Vũ
42.	Đặng Lê Trí Đức
43.	Lương Thị Thanh Thúy
44.	Trần Thị Phương Lan
45.	Đinh Tiến Lộc
46.	Nguyễn Thùy Linh
47.	Trần Thị Huỳnh Như
48.	Trần Phương Bắc
49.	Trần Quốc Đạt
50.	Nguyễn Thị Bích Thủy

51.	Nguyễn Thế Vũ
52.	Lê Thị Ngọc Hiếu
53.	Nguyễn Bích Hà Nguyên
54.	Lê Ngọc Phương
55.	Phan Chiến Thắng
56.	Phạm Tuấn Huy
57.	Trần Thùy Dương
58.	Nguyễn Cảnh Hạnh
59.	Ngô Quang Hiến
60.	Đặng Văn Ánh
61.	Nguyễn Thiệu Nam
62.	Lê Hoàng Hào
63.	Sieu Nguyen Shawn
64.	Đỗ Thị Hoàng Yến
65.	Nguyễn Thanh Sơn
66.	Cát Phạm Nguyên Vũ
67.	Vũ Văn Tiếp
68.	Võ Thùy Kim Ngân
69.	Nguyễn Thanh Phú
70.	Nguyễn Phương Trường Anh
71.	Danny Le
72.	Michael Hung Nguyen
73.	Lê Minh Thi
74.	Nguyễn Hồng Hạnh
75.	Phan Thị Cẩm Duyên
76.	Thái Quang Huy
77.	Ngô Văn Nam
78.	Phạm Cao Nhật Phương
79.	Nguyễn Tấn Nhanh
80.	Nguyễn Ngọc Quang Bảo
81.	Nguyễn Bảo Huyền Trân
82.	Huỳnh Ngọc Thi
83.	Nguyễn Đức Cường
84.	Bùi Ngọc Huy
85.	Diệp Khánh Tường
86.	Nguyễn Minh Tuấn
87.	Hồ Chí Thành
88.	Lê Kim Hồng
89.	Mai Văn Việt
90.	Nguyễn Tiến Hải
91.	Lang Thị Tỷ
92.	Phạm Cẩm Tú
93.	Phan Minh Từ
94.	Đỗ Nguyên Đạt
95.	Võ Minh Long
96.	Nguyễn Minh Lưu
97.	Hồ Thúy Hạnh
98.	Nguyễn Hồng Sơn
99.	Nguyễn Văn Hưng
100.	Nguyễn Minh Giang
101.	Nguyễn Quốc Việt
102.	Tạ Thị Thơm
103.	Lê Quốc Thái
104.	Lê Phương Nam
105.	Nguyễn Quốc Bảo Châu

706
G T
HÀ
ĐỒI
SA
HỒ

106.	Ngô Mai Thảo
107.	Đặng Thị Vân Anh
108.	Nguyễn Văn Liêm
109.	Phan Tiến Cường
110.	Vũ Cao Quý
111.	Hà Thị Hương
112.	Đỗ Thành Biên
113.	Trần Thị Kim Nga
114.	Bùi Thị Lương
115.	Vương Hoàng Hiếu
116.	Hoàng Đình Khiêm
117.	Nguyễn Duy Nam
118.	Lê Đức Trung
119.	Huỳnh Hoàng Phước
120.	Võ Văn Phi
121.	Nguyễn Thái Nguyên
122.	Bùi Văn Hương
123.	Lưu Văn Thanh Liêm
124.	Đỗ Đức Mạnh
125.	Huỳnh Ngọc Duy
126.	Bùi Xuân Đức
127.	Nguyễn Sỹ Nguyên
128.	Nguyễn Hoàng Phúc
129.	Nguyễn Hữu Duy
130.	Nguyễn Duy Khoa
131.	Đặng Trần Khánh
132.	Lê Thị Thu Trang
133.	Nguyễn Minh Quân
134.	Lưu Vương Linh
135.	Phạm Văn Hùng
136.	Tạ Quang Thái Dương
137.	Đỗ Quốc Sơn
138.	Võ Thanh Toàn
139.	Đặng Quốc Khánh
140.	Phạm Hữu Nghĩa
141.	Nguyễn Văn Công
142.	Nguyễn Hữu Nhất
143.	Đào Phương Thảo
144.	Trần Việt Anh
145.	Trần Thị Thu Thủy
146.	Võ Trường Huy
147.	Nguyễn Minh Châu
148.	Biện Thị Bích Trâm
149.	Trần Thanh Hòa
150.	Võ Quốc Huy
151.	Phạm Đắc Thành
152.	Lê Cao Thế
153.	Nguyễn Thanh Minh
154.	Vũ Thanh Bình
155.	Đoàn Thị Phương Dung
156.	Nguyễn Bùi Hồng Ngọc
157.	Nguyễn Đức Thịnh
158.	Đinh Văn Dương
159.	Nguyễn Hữu Thành
160.	Đoàn Thị Tố Na

161.	Phạm Toàn Trí
162.	Võ Văn Thương
163.	Phạm Như Thế
164.	Võ Thị Ngọc Mỹ
165.	Trương Thành Nhân
166.	Trần Bảo Phi
167.	Nguyễn Hoàng Mai Phương
168.	Trần Tiến
169.	Nguyễn Kim Mạnh
170.	Nguyễn Cửu Chi
171.	Huỳnh Phúc Kháng
172.	Bùi Lương Bình
173.	Lê Tuấn Anh
174.	Bùi Anh Tú
175.	Lê Đỗ Quốc Cường
176.	Nguyễn Thanh Tùng
177.	Nguyễn Hoài Nam
178.	Nguyễn Thị Huế
179.	Nguyễn Quốc Đạt
180.	Lý Duy Thịnh
181.	Nguyễn Phạm Quang Vũ
182.	Nguyễn Anh Tuấn
183.	Lê Trần Anh Phúc
184.	Nguyễn Hoài Nam
185.	Phạm Thành Nhân
186.	Võ Phú Tân
187.	Diệp Trung Tín
188.	Ngô Duy Đạt
189.	Hòa Ngọc Lê Hùng
190.	Ngô Vương Tùng
191.	Nguyễn Thị Minh Thắng
192.	Trần Thị Minh Nguyệt
193.	Đặng Văn Nam
194.	Nguyễn Trung Kiên
195.	Lê Phú Cường
196.	Trần Đăng Khoa
197.	Nguyễn Thị Giang
198.	Đặng Thái Sơn
199.	Đào Minh Toàn
200.	Đặng Thị Thùy Linh
201.	Võ Tuấn
202.	Võ Minh Nhật
203.	Chu Thị Tuyết Vân
204.	Cao Trí Cường
205.	Nguyễn Văn Hiếu
206.	Nguyễn Bình Minh
207.	Phạm Hồng Sơn
208.	Trương Thị Quỳnh Trang
209.	Nguyễn Trần Đức Thuận
210.	Vương Chí Lộc
211.	Hoàng Hữu Hà
212.	Lê Văn Mạnh
213.	Lê Phương Trung
214.	Nguyễn Minh Đạt
215.	Trần Thị Ánh Trúc

216.	Trần Văn Nguyên
217.	Nguyễn Vũ Bảo
218.	Trần Quốc Anh
219.	Vương Quốc Chiến
220.	Lý Tuấn Anh
221.	Đặng Văn Toàn
222.	Huỳnh Thiện Khiêm
223.	Trần Trương Mỹ Dung
224.	Nguyễn Thị Huyền
225.	Dương Trung Tính
226.	Bùi Minh Hải
227.	Hồ Văn Sơn
228.	Phạm Thị An Châu
229.	Lê Xuân Ngân
230.	Bùi Thành Trung
231.	Nguyễn Hải Nam
232.	Trần Ngọc Đức
233.	Thái Minh Hoàng
234.	Nguyễn Ngọc An Khánh
235.	Mai Nhất
236.	Dương Văn Phong
237.	Phan Thanh Vũ
238.	Lương Hoàng Tuấn
239.	Lương Đức Tam
240.	Nguyễn Văn Định
241.	Võ Minh Trung
242.	Hà Đức Tú
243.	Ngô Văn Huynh
244.	Trịnh Phó Sơn
245.	Phạm Ngô Gia Bảo
246.	Dương Ngọc Hằng
247.	Vương Đình Thắng
248.	Trịnh Tuấn Kiệt
249.	Đặng Thụy Tâm Thuận
250.	Phạm Văn Dũng
251.	Nguyễn Công Tuấn
252.	Trần Đức Anh
253.	Tô Nguyễn Duy Tân
254.	Nguyễn Thị Phương Thủy
255.	Nguyễn Hữu Nguyên
256.	Cáp Tuấn Biên
257.	Nguyễn Văn Thủy
258.	Bùi Trang Nhã
259.	Nguyễn Duy Đông
260.	Nguyễn Anh Hải
261.	Nguyễn Minh Tùng
262.	Phạm Quốc Thái
263.	Nguyễn Đặng Anh Thư
264.	Nguyễn Đắc Cường
265.	Nguyễn Đức Thịnh
266.	Nguyễn Thị Kim Thoa
267.	Nguyễn Hữu Ten
268.	Phan Thị Thúy Hoa
269.	Phạm Thị Thanh Nhân
270.	Lê Trung Dũng

271.	Lương Thanh Tùng
272.	Hồ Đắc Quyết Chí Thành
273.	Đặng Minh Thư
274.	Trần Thị Huyền Trang
275.	Lý Ngọc Thanh
276.	Hồ Nguyễn Minh Thư
277.	Phạm Ngọc Minh
278.	Nguyễn Bá Hạnh
279.	Ngô Ngọc Phương Trang
280.	Trương Thị Huyền Nga
281.	Đào Thị Thanh Hương
282.	Đặng Quốc Cường
283.	Phạm Thị Thúy Nga
284.	Đặng Thị Thanh Hương
285.	Trần Hồng Phương Khanh
286.	Nguyễn Thị Ngọc Duyên

**CALCULATION OF THE NUMBER OF SHARES BOUGHT BY THE EMPLOYEES
UNDER THE ESOP PROGRAM**

(attached to the list of employees eligible to participate in the ESOP Program in the Board of
Directors' Resolution No. 183/2026/NQ-HDQT dated 1 June, 2026)

No.	Full name	Company's business result ratio (a)	Coefficient of departmental work completion results (b)	Rank coefficient (c)	Work coefficient (d)	Individual's work performance coefficient (e)	Number of ESOPs to be distributed further (shares) (g)	Maximum number of ESOPs to be purchased (=14,459,154 x a x b x c x d x e + g) (shares)
1.	Nguyễn Thị Hải Yến	0,90	0,80	0,00600	0,66	0,614860	0	25.348
2.	Vũ Thị Thu Thủy	0,90	0,80	0,01500	0,84	0,806870	0	105.839
3.	Phạm Thị Hồng Vân	0,90	0,80	0,00600	0,67	0,557080	0	23.314
4.	Đoàn Thị Mỹ Duyên	0,90	0,80	0,01500	0,84	0,600470	0	78.765
5.	Nguyễn Mai Hoàng Tuấn	0,90	0,80	0,00400	0,70	0,507350	0	14.789
6.	Nguyễn Tâm Thanh	0,90	0,70	0,02000	0,80	0,809790	0	118.025
7.	Hoàng Quốc Việt	0,90	0,70	0,00800	0,75	0,810800	0	44.314
8.	Lê Minh Chuyên	0,90	0,70	0,00400	0,70	0,666000	0	16.986
9.	Mai Trung Dũng	0,90	0,75	0,01200	0,75	0,638800	0	56.111
10.	Trần Huỳnh Thy	0,90	0,70	0,00400	0,70	0,637140	0	16.250
11.	Lê Hồ Khắc Huy	0,90	0,68	0,00100	0,45	0,663400	0	2.641
12.	Lê Thị Thủy Trang	0,65	0,80	0,00600	0,76	1,28800	350.000	394.159
13.	Trịnh Thái Sơn	0,90	0,68	0,00080	0,65	0,918500	0	4.226
14.	Nguyễn Ngọc Cẩm Uyên	0,90	0,80	0,00600	0,60	0,505700	0	18.952
15.	Huỳnh Thị Mai Linh	0,90	0,80	0,00400	0,80	0,902090	0	30.052
16.	Nguyễn Thanh Tùng	0,90	0,80	0,00600	0,60	0,524050	0	19.640
17.	Bùi Nhật Hạ	0,90	0,80	0,00400	0,75	0,504590	0	15.759
18.	Phạm Anh Sơn	0,90	0,75	0,00800	0,80	0,539680	0	33.710
19.	Huỳnh Văn Phương	0,90	0,75	0,00800	0,80	0,526540	0	32.889
20.	Dư Văn Nga	0,90	0,75	0,00600	0,80	0,575300	0	26.951
21.	Nguyễn Trọng Anh	0,90	0,70	0,00600	0,78	1,325000	380.000	436.486
22.	Phạm Văn Đô La	0,90	0,78	0,00600	0,50	0,506000	0	15.408
23.	Phan Văn Hoàng Sơn	0,90	0,75	0,01250	0,81	0,888840	0	87.834
24.	Lê Cảnh Hạnh	0,90	0,70	0,00800	0,80	1,335600	380.000	457.864
25.	Nguyễn Huy Hùng	0,90	0,80	0,01200	0,80	0,627420	0	62.705
26.	Tạ Minh Anh	0,90	0,70	0,00600	0,80	0,539540	0	23.591
27.	Nguyễn Quỳnh Lâm	0,65	0,80	0,01500	0,80	1,28000	350.000	465.488
28.	Nguyễn Thu Hiền	0,90	0,65	0,01200	0,68	0,504680	0	34.834
29.	Huỳnh Minh Đạo	0,90	0,80	0,00400	0,64	0,507080	0	13.514
30.	Ngô Thị Nhật Bình	0,90	0,80	0,00400	0,80	0,639050	0	21.289
31.	Trần Hà Chung	0,90	0,70	0,01300	0,80	0,903550	0	85.599
32.	Nguyễn Thị Phương Trà	0,90	0,70	0,00250	0,80	0,859130	0	15.652
33.	Đỗ Thị Phương Thúy	0,90	0,70	0,00100	0,80	0,855730	0	6.236
34.	Nguyễn Thanh Cúc	0,90	0,70	0,00600	0,80	0,510930	0	22.340
35.	Lê Thị Nga	0,90	0,67	0,02000	1,00	1,21200	300.000	511.345
36.	Phạm Hải Triều	0,90	0,68	0,01200	0,80	0,859080	0	72.979
37.	Thiệu Ngọc Dân Thịnh	0,90	0,80	0,00600	0,72	0,502080	0	22.580
38.	Tạ Thị Thủy Trang	0,90	0,80	0,00400	0,80	1,260000	350.000	391.975
39.	Trần Quốc Trung	0,90	0,68	0,00400	0,44	0,509050	0	7.928
40.	Phan Công Thiện	0,90	0,80	0,00400	0,80	0,616290	0	20.531
41.	Trần Hoàng Vũ	0,90	0,80	0,00250	0,75	0,800000	0	15.615
42.	Đặng Lê Trí Đức	0,90	0,80	0,00250	0,65	0,742650	0	12.563
43.	Lương Thị Thanh Thúy	0,90	0,80	0,00090	0,75	0,814200	0	5.721
44.	Trần Thị Phương Lan	0,90	0,80	0,00100	0,75	0,906100	0	7.074
45.	Đinh Tiến Lộc	0,90	0,65	0,00250	0,39	0,511580	0	4.219

46.	Nguyễn Thùy Linh	0,90	0,65	0,00250	0,38	0,509110	0	4.091
47.	Trần Thị Huỳnh Như	0,90	0,65	0,00250	0,50	0,709100	0	7.497
48.	Trần Phương Bắc	0,90	0,78	0,02000	0,54	0,507090	0	55.588
49.	Trần Quốc Đạt	0,90	0,78	0,00800	0,80	0,772730	0	50.198
50.	Nguyễn Thị Bích Thủy	0,90	0,80	0,01500	0,76	1,25500	350.000	498.944
51.	Nguyễn Thế Vũ	0,90	0,78	0,00400	0,80	0,666360	0	21.644
52.	Lê Thị Ngọc Hiếu	0,90	0,78	0,00400	0,38	0,507640	0	7.832
53.	Nguyễn Bích Hà Nguyễn	0,90	0,75	0,00800	0,80	2,287800	350.000	492.904
54.	Lê Ngọc Phương	0,90	0,75	0,01200	0,80	0,558090	0	52.290
55.	Phan Chiến Thắng	0,90	0,75	0,00800	0,80	0,866410	0	54.119
56.	Phạm Tuấn Huy	0,90	0,75	0,00400	0,80	0,579320	0	18.093
57.	Trần Thùy Dương	0,90	0,75	0,00250	0,65	0,932250	0	14.785
58.	Nguyễn Cảnh Hạnh	0,90	0,75	0,00250	0,80	1,279800	350.000	374.981
59.	Ngô Quang Hiền	0,90	0,80	0,01200	0,51	0,504310	0	32.131
60.	Đặng Văn Ánh	0,90	0,75	0,01500	0,88	0,955490	0	123.096
61.	Nguyễn Thiệu Nam	0,90	0,75	0,03000	0,90	0,704730	0	185.709
62.	Lê Hoàng Hào	0,90	0,70	0,01200	0,80	0,653650	0	57.161
63.	Sieu Nguyen Shawn	0,90	0,70	0,01200	0,46	0,500410	0	25.162
64.	Đỗ Thị Hoàng Yến	0,90	0,78	0,00800	0,84	1,330000	380.000	470.719
65.	Nguyễn Thanh Sơn	0,90	0,68	0,00800	0,65	0,503930	0	23.188
66.	Cát Phạm Nguyên Vũ	0,90	0,60	0,00600	0,42	0,528400	0	9.308
67.	Vũ Văn Tiếp	0,90	0,75	0,00800	0,35	0,500850	0	13.687
68.	Võ Thùy Kim Ngân	0,90	0,80	0,00250	0,24	0,517430	0	3.232
69.	Nguyễn Thanh Phú	0,90	0,70	0,00100	0,80	0,936000	0	6.821
70.	Nguyễn Phương Trường Anh	0,90	0,75	0,00800	0,80	0,518370	0	32.379
71.	Danny Le	0,90	0,68	0,04000	1,10	0,898921	0	350.000
72.	Michael Hung Nguyen	0,90	0,68	0,03000	0,39	0,504730	0	52.256
73.	Lê Minh Thi	0,90	0,68	0,00055	0,80	0,621290	0	2.419
74.	Nguyễn Hồng Hạnh	0,90	0,80	0,00100	0,66	0,500950	0	3.442
75.	Phan Thị Cẩm Duyên	0,90	0,70	0,00400	0,59	0,502570	0	10.804
76.	Thái Quang Huy	0,90	0,80	0,00400	0,78	1,27200	350.000	391.315
77.	Ngô Văn Nam	0,90	0,70	0,00100	0,35	0,508120	0	1.620
78.	Phạm Cao Nhật Phương	0,90	0,70	0,00100	0,26	0,505410	0	1.197
79.	Nguyễn Tấn Nhanh	0,90	0,70	0,00080	0,80	0,895560	0	5.221
80.	Nguyễn Ngọc Quang Bảo	0,90	0,70	0,00600	0,19	0,503060	0	5.224
81.	Nguyễn Bảo Huyền Trần	0,90	0,65	0,00060	0,80	0,813280	0	3.302
82.	Huỳnh Ngọc Thi	0,90	0,65	0,00060	0,23	0,514020	0	600
83.	Nguyễn Đức Cường	0,90	0,65	0,00050	0,80	0,893470	0	3.023
84.	Bùi Ngọc Huy	0,90	0,65	0,00045	0,80	0,531020	0	1.617
85.	Diệp Khánh Tường	0,90	0,65	0,00045	0,80	0,522480	0	1.591
86.	Nguyễn Minh Tuấn	0,65	0,75	0,00250	0,15	0,524730	0	1.387
87.	Hồ Chí Thành	0,65	0,75	0,00055	0,80	0,606810	0	1.882
88.	Lê Kim Hồng	0,65	0,75	0,00800	0,78	0,504700	0	22.199
89.	Mai Văn Việt	0,65	0,75	0,00100	0,88	0,945600	0	5.852
90.	Nguyễn Tiến Hải	0,65	0,75	0,00055	0,80	0,695800	0	2.158
91.	Lương Thị Tỷ	0,65	0,75	0,00055	0,44	0,507090	0	865
92.	Phạm Cẩm Tú	0,65	0,75	0,00060	0,36	0,509680	0	776
93.	Phan Minh Từ	0,65	0,75	0,00100	0,28	0,506670	0	1.000
94.	Đỗ Nguyên Đạt	0,65	0,75	0,00060	0,57	0,508160	0	1.225
95.	Võ Minh Long	0,65	0,65	0,00080	0,59	0,507040	0	1.462
96.	Nguyễn Minh Lưu	0,65	0,62	0,00400	0,52	0,505770	0	6.130
97.	Hồ Thúy Hạnh	0,90	0,75	0,01300	0,85	1,25600	350.000	485.456
98.	Nguyễn Hồng Sơn	0,65	0,65	0,00600	0,72	0,898200	0	23.704
99.	Nguyễn Văn Hưng	0,65	0,65	0,00400	0,80	0,564950	0	11.044
100.	Nguyễn Minh Giang	0,65	0,75	0,00080	0,78	0,909500	0	4.000
101.	Nguyễn Quốc Việt	0,65	0,65	0,00080	0,80	0,580600	0	2.270

102.	Tạ Thị Thơm	0,65	0,65	0,00060	0,73	0,500050	0	1.338
103.	Lê Quốc Thái	0,65	0,65	0,00060	0,80	0,533030	0	1.563
104.	Lê Phương Nam	0,65	0,75	0,00055	0,51	0,505770	0	1.000
105.	Nguyễn Quốc Bảo Châu	0,65	0,75	0,00060	0,75	0,502220	0	1.593
106.	Ngô Mai Thảo	0,65	0,75	0,00060	0,19	0,504010	0	405
107.	Đặng Thị Vân Anh	0,65	0,75	0,00055	0,51	0,506280	0	1.001
108.	Nguyễn Văn Liêm	0,65	0,75	0,00050	0,49	0,502620	0	868
109.	Phan Tiến Cường	0,65	0,75	0,00250	0,75	0,870150	0	11.500
110.	Vũ Cao Quý	0,65	0,65	0,00300	0,75	0,928900	0	12.767
111.	Hà Thị Hương	0,90	0,80	0,01300	0,85	1,26500	350.000	495.521
112.	Đỗ Thành Biên	0,65	0,75	0,00350	0,75	0,902200	0	16.693
113.	Trần Thị Kim Nga	0,65	0,75	0,00080	0,57	0,503700	0	1.619
114.	Bùi Thị Lương	0,65	0,75	0,00100	0,80	0,592480	0	3.341
115.	Vương Hoàng Hiếu	0,65	0,75	0,00055	0,64	0,502990	0	1.248
116.	Hoàng Đình Khiêm	0,65	0,75	0,00250	0,70	0,786400	0	9.700
117.	Nguyễn Duy Nam	0,65	0,75	0,00055	0,77	0,504830	0	1.507
118.	Lê Đức Trung	0,65	0,75	0,00100	0,42	0,510390	0	1.511
119.	Huỳnh Hoàng Phước	0,65	0,75	0,00080	0,65	0,933200	0	3.420
120.	Võ Văn Phi	0,65	0,75	0,00100	0,49	0,501750	0	1.733
121.	Nguyễn Thái Nguyên	0,65	0,75	0,00800	0,75	0,902260	0	38.159
122.	Bùi Văn Hương	0,90	0,72	0,01300	0,85	1,28900	350.000	483.454
123.	Lưu Văn Thanh Liêm	0,65	0,75	0,00045	0,47	0,507110	0	756
124.	Đỗ Đức Mạnh	0,65	0,75	0,00250	0,70	0,807800	0	9.964
125.	Huỳnh Ngọc Duy	0,65	0,68	0,00100	0,80	0,548630	0	2.805
126.	Bùi Xuân Đức	0,65	0,62	0,00080	0,54	0,506500	0	1.275
127.	Nguyễn Sỹ Nguyên	0,65	0,75	0,00100	0,56	0,506670	0	2.000
128.	Nguyễn Hoàng Phúc	0,65	0,65	0,00060	0,46	0,508280	0	857
129.	Nguyễn Hữu Duy	0,65	0,75	0,00400	0,70	0,861350	0	17.000
130.	Nguyễn Duy Khoa	0,65	0,65	0,00060	0,76	0,500780	0	1.395
131.	Đặng Trần Khánh	0,65	0,65	0,00060	0,56	0,504730	0	1.036
132.	Lê Thị Thu Trang	0,65	0,65	0,00060	0,80	0,756740	0	2.219
133.	Nguyễn Minh Quân	0,65	0,65	0,00250	0,80	0,826570	0	10.099
134.	Lưu Vương Linh	0,65	0,75	0,00300	0,70	0,864750	0	12.800
135.	Phạm Văn Hùng	0,90	0,80	0,01200	0,82	1,28000	350.000	481.123
136.	Tạ Quang Thái Dương	0,65	0,75	0,00400	0,75	0,908900	0	19.220
137.	Đỗ Quốc Sơn	0,65	0,75	0,00055	0,78	0,500670	0	1.514
138.	Võ Thanh Toàn	0,65	0,75	0,00100	0,72	0,884200	0	4.487
139.	Đặng Quốc Khánh	0,65	0,75	0,00035	0,10	0,510000	0	125
140.	Phạm Hữu Nghĩa	0,65	0,75	0,00080	0,75	0,913000	0	3.861
141.	Nguyễn Văn Công	0,65	0,75	0,00060	0,78	0,909500	0	3.000
142.	Nguyễn Hữu Nhất	0,65	0,75	0,00050	0,11	0,518000	0	200
143.	Đào Phương Thảo	0,65	0,65	0,00250	0,80	0,930550	0	11.369
144.	Trần Việt Anh	0,65	0,75	0,00050	0,41	0,500000	0	722
145.	Trần Thị Thu Thủy	0,65	0,75	0,00080	0,35	0,506670	0	1.000
146.	Võ Trường Huy	0,65	0,65	0,00250	0,70	0,506050	0	5.410
147.	Nguyễn Minh Châu	0,65	0,75	0,00100	0,80	0,922200	0	5.200
148.	Biện Thị Bích Trâm	0,65	0,75	0,00080	0,70	0,847200	0	3.344
149.	Trần Thanh Hòa	0,65	0,75	0,00055	0,65	0,506360	0	1.276
150.	Võ Quốc Huy	0,65	0,75	0,00060	0,39	0,509270	0	840
151.	Phạm Đắc Thành	0,65	0,75	0,00050	0,45	0,505050	0	801
152.	Lê Cao Thế	0,65	0,68	0,00055	0,70	0,650500	0	1.600
153.	Nguyễn Thanh Minh	0,65	0,68	0,00400	0,70	0,860600	0	15.400
154.	Vũ Thanh Bình	0,90	0,81	0,01200	0,80	1,28400	350.000	479.929
155.	Đoàn Thị Phương Dung	0,65	0,75	0,00060	0,76	0,503700	0	1.619
156.	Nguyễn Bùi Hồng Ngọc	0,65	0,70	0,00250	0,18	0,511000	0	1.512
157.	Nguyễn Đức Thịnh	0,65	0,75	0,00100	0,75	0,910400	0	4.812
158.	Đinh Văn Dương	0,65	0,75	0,00055	0,14	0,526940	0	286
159.	Nguyễn Hữu Thành	0,65	0,75	0,00050	0,56	0,506670	0	1.000
160.	Đoàn Thị Tổ Na	0,65	0,75	0,00055	0,74	0,501940	0	1.440
161.	Phạm Toàn Trí	0,65	0,75	0,00100	0,75	0,881000	0	4.657

162.	Võ Văn Thương	0,65	0,75	0,00055	0,78	0,500670	0	1.514
163.	Phạm Như Thế	0,65	0,75	0,00050	0,62	0,501120	0	1.095
164.	Võ Thị Ngọc Mỹ	0,65	0,75	0,00055	0,51	0,505770	0	1.000
165.	Trương Thành Nhân	0,65	0,45	0,00035	0,10	0,400000	0	59
166.	Trần Bảo Phi	0,65	0,65	0,00060	0,80	0,541900	0	1.589
167.	Nguyễn Hoàng Mai Phuong	0,65	0,65	0,00060	0,80	0,973700	0	2.855
168.	Trần Tiến	0,65	0,65	0,00060	0,43	0,507580	0	800
169.	Nguyễn Kim Mạnh	0,65	0,65	0,00060	0,23	0,505320	0	426
170.	Nguyễn Cửu Chi	0,65	0,75	0,00060	0,39	0,506240	0	835
171.	Huỳnh Phúc Kháng	0,65	0,75	0,00050	0,23	0,513190	0	416
172.	Bùi Lương Bình	0,65	0,65	0,00060	0,43	0,507580	0	800
173.	Lê Tuấn Anh	0,65	0,65	0,00250	0,14	0,507450	0	1.085
174.	Bùi Anh Tú	0,65	0,75	0,00050	0,47	0,504090	0	835
175.	Lê Đỗ Quốc Cường	0,65	0,75	0,00050	0,17	0,500710	0	300
176.	Nguyễn Thanh Tùng	0,65	0,75	0,00055	0,80	0,520720	0	1.615
177.	Nguyễn Hoài Nam	0,65	0,75	0,00055	0,43	0,510490	0	851
178.	Nguyễn Thị Huế	0,65	0,70	0,00250	0,80	0,847640	0	11.153
179.	Nguyễn Quốc Đạt	0,90	0,85	0,01200	0,82	1,28500	350.000	489.862
180.	Lý Duy Thịnh	0,65	0,75	0,00250	0,54	0,509150	0	4.845
181.	Nguyễn Phạm Quang Vũ	0,65	0,75	0,00250	0,59	0,503230	0	5.232
182.	Nguyễn Anh Tuấn	0,65	0,75	0,00055	0,65	0,503190	0	1.268
183.	Lê Trần Anh Phúc	0,65	0,75	0,00055	0,39	0,503980	0	762
184.	Nguyễn Hoài Nam	0,65	0,75	0,00350	0,75	0,918800	0	17.000
185.	Phạm Thành Nhân	0,65	0,65	0,00100	0,18	0,537000	0	590
186.	Võ Phú Tân	0,65	0,75	0,00055	0,65	0,503190	0	1.268
187.	Diệp Trung Tín	0,65	0,65	0,00400	0,24	0,511550	0	3.000
188.	Ngô Duy Đạt	0,65	0,75	0,00060	0,75	0,504420	0	1.600
189.	Hòa Ngọc Lê Hùng	0,65	0,75	0,00055	0,61	0,501930	0	1.187
190.	Ngô Vương Tùng	0,65	0,75	0,00250	0,10	0,506190	0	892
191.	Nguyễn Thị Minh Thắng	0,65	0,75	0,00250	0,80	0,734380	0	10.353
192.	Trần Thị Minh Nguyệt	0,80	0,80	0,01500	0,80	1,267000	350.000	490.695
193.	Đặng Văn Nam	0,65	0,75	0,00055	0,51	0,505770	0	1.000
194.	Nguyễn Trung Kiên	0,65	0,75	0,00055	0,46	0,505230	0	901
195.	Lê Phú Cường	0,65	0,65	0,00100	0,80	0,525870	0	2.570
196.	Trần Đăng Khoa	0,65	0,75	0,00080	0,70	0,897000	0	3.540
197.	Nguyễn Thị Giang	0,65	0,75	0,00045	0,12	0,504000	0	191
198.	Đặng Thái Sơn	0,65	0,65	0,00400	0,40	0,511550	0	5.000
199.	Đào Minh Toàn	0,65	0,65	0,00400	0,64	0,507650	0	7.939
200.	Đặng Thị Thùy Linh	0,65	0,75	0,00080	0,57	0,501520	0	1.612
201.	Võ Tuấn	0,65	0,75	0,00045	0,48	0,505740	0	770
202.	Võ Minh Nhật	0,65	0,75	0,00050	0,72	0,506000	0	1.284
203.	Chu Thị Tuyết Vân	0,65	0,65	0,00400	0,26	0,503680	0	3.200
204.	Cao Trí Cường	0,65	0,75	0,00100	0,48	0,500970	0	1.695
205.	Nguyễn Văn Hiếu	0,65	0,75	0,00050	0,28	0,506670	0	500
206.	Nguyễn Bình Minh	0,65	0,75	0,00250	0,82	0,970450	0	14.023
207.	Phạm Hồng Sơn	0,90	0,62	0,02000	1,00	1,23800	300.000	499.768
208.	Trương Thị Quỳnh Trang	0,65	0,75	0,00055	0,51	0,505770	0	1.000
209.	Nguyễn Trần Đức Thuận	0,65	0,75	0,00080	0,53	0,503570	0	1.505
210.	Vương Chí Lộc	0,65	0,75	0,00060	0,32	0,512060	0	693
211.	Hoàng Hữu Hà	0,65	0,75	0,00800	0,28	0,517570	0	8.172
212.	Lê Văn Mạnh	0,65	0,75	0,00060	0,80	0,775840	0	2.625
213.	Lê Phương Trung	0,65	0,75	0,00060	0,13	0,529280	0	291
214.	Nguyễn Minh Đạt	0,65	0,75	0,00250	0,26	0,512910	0	2.350
215.	Trần Thị Ánh Trúc	0,65	0,75	0,00055	0,47	0,506560	0	923
216.	Trần Văn Nguyên	0,65	0,75	0,00080	0,70	0,825700	0	3.259

217.	Nguyễn Vũ Bảo	0,65	0,75	0,00800	0,80	0,804660	0	36.300
218.	Trần Quốc Anh	0,90	0,75	0,00800	0,78	1,30300	380.000	459.355
219.	Vương Quốc Chiến	0,65	0,75	0,00400	0,80	0,890180	0	20.079
220.	Lý Tuấn Anh	0,65	0,75	0,00100	0,82	0,976200	0	5.642
221.	Đặng Văn Toàn	0,65	0,75	0,00050	0,48	0,508950	0	861
222.	Huỳnh Thiện Khiêm	0,65	0,65	0,00250	0,82	0,971700	0	12.169
223.	Trần Trương Mỹ Dung	0,65	0,65	0,01200	0,75	0,609180	0	33.493
224.	Nguyễn Thị Huyền	0,65	0,75	0,00055	0,80	0,587140	0	1.821
225.	Dương Trung Tính	0,65	0,65	0,00250	0,28	0,514470	0	2.200
226.	Bùi Minh Hải	0,65	0,75	0,00400	0,28	0,514780	0	4.064
227.	Hồ Văn Sơn	0,65	0,62	0,00250	0,46	0,503650	0	3.375
228.	Phạm Thị An Châu	0,65	0,75	0,00055	0,80	0,524910	0	1.628
229.	Lê Xuân Ngân	0,65	0,65	0,00100	0,72	0,885100	0	3.893
230.	Bùi Thành Trung	0,65	0,75	0,00055	0,54	0,508240	0	1.064
231.	Nguyễn Hải Nam	0,65	0,65	0,00060	0,22	0,515890	0	416
232.	Trần Ngọc Đức	0,65	0,75	0,00250	0,65	0,785800	0	9.000
233.	Thái Minh Hoàng	0,90	0,75	0,00800	0,76	1,30703	380.000	457.559
234.	Nguyễn Ngọc An Khánh	0,65	0,70	0,00055	0,80	0,508170	0	1.471
235.	Mai Nhất	0,65	0,75	0,00055	0,80	0,556830	0	1.727
236.	Dương Văn Phong	0,65	0,65	0,00100	0,65	0,835200	0	3.316
237.	Phan Thanh Vũ	0,65	0,75	0,00080	0,58	0,501130	0	1.639
238.	Lương Hoàng Tuấn	0,65	0,75	0,00400	0,49	0,506670	0	7.000
239.	Lương Đức Tam	0,65	0,75	0,00050	0,22	0,515890	0	400
240.	Nguyễn Văn Định	0,65	0,75	0,00250	0,55	0,619900	0	6.008
241.	Võ Minh Trung	0,65	0,75	0,00050	0,56	0,506670	0	1.000
242.	Hà Đức Tú	0,65	0,75	0,00045	0,57	0,506630	0	916
243.	Ngô Văn Huynh	0,65	0,65	0,00060	0,66	0,503490	0	1.218
244.	Trịnh Phở Sơn	0,65	0,75	0,00100	0,80	0,532010	0	3.000
245.	Phạm Ngô Gia Bảo	0,65	0,65	0,00400	0,65	0,503680	0	8.000
246.	Dương Ngọc Hằng	0,65	0,75	0,00250	0,62	0,723100	0	7.900
247.	Vương Đình Thắng	0,65	0,75	0,00800	0,32	0,503190	0	9.080
248.	Trịnh Tuấn Kiệt	0,65	0,65	0,00080	0,67	0,503910	0	1.650
249.	Đặng Thụy Tâm Thuận	0,65	0,75	0,00055	0,80	0,644860	0	2.000
250.	Phạm Văn Dũng	0,65	0,65	0,00400	0,73	0,890100	0	15.877
251.	Nguyễn Công Tuấn	0,65	0,75	0,00250	0,70	0,888900	0	10.964
252.	Trần Đức Anh	0,90	0,80	0,00400	0,78	1,25800	350.000	390.861
253.	Tô Nguyễn Duy Tân	0,65	0,65	0,00400	0,70	0,860500	0	14.719
254.	Nguyễn Thị Phương Thủy	0,65	0,65	0,00250	0,60	0,583100	0	5.343
255.	Nguyễn Hữu Nguyên	0,65	0,65	0,00080	0,43	0,504410	0	1.060
256.	Cáp Tuấn Biên	0,65	0,75	0,00100	0,82	0,986400	0	5.701
257.	Nguyễn Văn Thủy	0,65	0,75	0,00060	0,70	0,506670	0	1.500
258.	Bùi Trang Nhã	0,65	0,65	0,00060	0,51	0,507130	0	948
259.	Nguyễn Duy Đông	0,65	0,75	0,00060	0,80	0,673580	0	2.279
260.	Nguyễn Anh Hải	0,65	0,75	0,00055	0,21	0,501150	0	408
261.	Nguyễn Minh Tùng	0,65	0,75	0,00055	0,80	0,510730	0	1.584
262.	Phạm Quốc Thái	0,65	0,70	0,00060	0,15	0,528630	0	313
263.	Nguyễn Đặng Anh Thư	0,65	0,65	0,00060	0,23	0,511250	0	431
264.	Nguyễn Đắc Cường	0,65	0,75	0,00400	0,63	0,505720	0	8.983
265.	Nguyễn Đức Thịnh	0,65	0,75	0,00400	0,80	0,504170	0	11.372
266.	Nguyễn Thị Kim Thoa	0,65	0,75	0,00055	0,36	0,500120	0	698
267.	Nguyễn Hữu Ten	0,65	0,75	0,02000	1,00	0,962260	0	135.656
268.	Phan Thị Thủy Hoa	0,90	0,75	0,01200	0,80	1,25800	350.000	467.868
269.	Phạm Thị Thanh Nhân	0,65	0,75	0,00060	0,77	0,505450	0	1.646
270.	Lê Trung Dũng	0,65	0,75	0,00050	0,53	0,506980	0	947
271.	Lương Thanh Tùng	0,65	0,75	0,00060	0,78	0,505030	0	1.666
272.	Hồ Đắc Quyết Chí Thành	0,65	0,65	0,00250	0,65	0,807700	0	8.018
273.	Đặng Minh Thư	0,65	0,70	0,00100	0,72	0,904000	0	4.282
274.	Trần Thị Huyền Trang	0,65	0,65	0,00080	0,43	0,502030	0	1.055

275.	Lý Ngọc Thanh	0,65	0,65	0,00250	0,16	0,501500	0	1.225
276.	Hồ Nguyễn Minh Thư	0,65	0,65	0,00055	0,18	0,524150	0	317
277.	Phạm Ngọc Minh	0,65	0,65	0,00400	0,35	0,500320	0	4.279
278.	Nguyễn Bá Hạnh	0,65	0,65	0,00400	0,11	0,520850	0	1.400
279.	Ngô Ngọc Phương Trang	0,65	0,65	0,00060	0,58	0,820000	0	1.743
280.	Trương Thị Huyền Nga	0,65	0,80	0,01200	0,80	0,864860	0	55.888
281.	Đào Thị Thanh Hương	0,65	0,65	0,00600	0,76	1,28500	350.000	385.796
282.	Đặng Quốc Cường	0,65	0,65	0,01200	0,72	0,520850	0	27.491
283.	Phạm Thị Thúy Nga	0,65	0,62	0,00600	0,26	0,505940	0	4.599
284.	Đặng Thị Thanh Hương	0,65	0,80	0,00250	0,14	0,508070	0	1.337
285.	Trần Hồng Phương Khanh	0,65	0,62	0,00250	0,23	0,519020	0	1.739
286.	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	0,65	0,50	0,00080	0,42	0,524000	0	740
Tổng cộng								14.459.154

MASAN GROUP CORPORATION

Business license no.: 0303576603, issued for the first time by HCMC Department of Finance on November 18, 2004, amended and supplemented from time to time

Address: No. 23 Le Duan Street, Sai Gon Ward, Ho Chi Minh City

Phone number: (84-28) 6256 3862 Fax: (84-28) 3827 4115



POLICY OF THE ISSUANCE PLAN OF SHARES UNDER THE EMPLOYEE STOCK OPTION PLAN (ESOP) 2026

June 2026

The employee stock issuance program under the employee stock option plan in 2026 (“**ESOP**”) is a program deployed to create opportunities for employees, per (who meet the conditions and criteria as describe below) to participate in the program) to share in the development and success of Masan Group Corporation (the Company) and Masan Group through the opportunity to own shares of the Company at a preferential price compared to the market price.

1. PURPOSE:

- Issuance of shares under the option program for employees of the Company and subsidiaries of Masan Group to recognize the contribution of employees to the Company and subsidiaries in the past year, creating motivation for employees to successfully complete their tasks and stick with the Company and its subsidiaries for a long time.

2. LEGAL FOUNDATION:

- Enterprise Law No. 59/2020/QH14 passed by the National Assembly on June 17, 2020;
- Law on Securities No. 54/2019/QH14 passed by the National Assembly on November 26, 2019;
- Charter of the Company dated April 24, 2026 (Charter);
- Resolution of the Company's 2026 Annual General Meeting of Shareholders No. 132/2026/NQ-DHDCD dated April 24, 2026 approving the issuance plan of shares under the employee stock option plan; and
- Resolution of the Board of Directors No. 181 /2026/NQ-HĐQT dated June 1, 2026 approving the implementation of the plan for issuance of new shares under the ESOP.

3. DEFINITIONS:

- “**ESOP Program**”: is The Company’s direct stock/share issuance program to the employees in accordance with the regulations of this Policy.
- “**The employees**” are those who work as employees of the Company, Member Companies of Masan Group.
- “**ESOP Member**”: is an employee who was selected and has purchased their stock/share from ESOP Program.
- “**BOD**”: is Board of Directors.
- “**GMS**”: is General Meeting of Shareholders.
- “**The Group**”: including The Company and Member Companies.
- “**The Company**”: is Masan Group Corporation.

4. ESOP PROGRAM DETAILS:

4.1. Principles of ESOP Program:

- The Employees participate in the ESOP Program completely voluntarily and have the rights and obligations in accordance with this Policy.
- The available shares for the ESOP Program: to issue an additional 14,459,154 shares, equivalent to the total value of shares at par value of VND 144,591,540,000.
- Type of applicable share for ESOP Program: common share.

- Restriction on share transfer: the entire number of shares issued under the ESOP Program will be restricted from being transferred within 01 year from the end of the issuance (the date of completion of payment by the employees) in accordance with the Government's Decree No. 155/2020/ ND-CP dated December 31, 2020.

4.2. Participants of ESOP Program: are Employees of The Company and Member Companies who has outstanding achievements, special contributions to the manufacturing and business operations of The Company and Member Companies performs and displays long term growth value for The Company and Member Companies.

4.3. Rights and obligations of ESOP Member:

- Having the complete rights and obligations in accordance with the laws and regulations and policies of The Company.
- Fulfilling all the obligations as an ESOP Member.
- Committing to continuing efforts to achieve expected outcomes and enhance work productivity and efficiency of ESOP Member's department.
- Performing other obligations in accordance with the laws and regulations and policies of The Company.

4.4. Rights and obligations of The Company:

- Responsible for issuing ESOP shares following the approved quantity and to the approved subjects.
- Disclosure of the stock/share issuance information and report on implementation results of the ESOP Program in accordance with regulations.

4.5. Determination criteria of share distribution for each Employee:

The total ESOP Program stocks/shares will be distributed to each Employee base on these criteria:

- Criterion 1: The level of contribution to the growth of the Company and Member Companies;
- Criterion 2: Assigned responsibilities and workloads;
- Criterion 3: Work completion outcomes of the department and the individual;
- Criterion 4: Title;
- Criterion 5: Salary; and
- Criterion 6: Rank.

4.6. Determination principle of share distribution for each subject:

The distribution of shares under the ESOP Program shall be carried out in accordance with the following principles:

Principle 1: Shares shall be distributed to 04 groups of employees, as follows:

- Group 1: Employees who create value for shareholders, including through business performance, strategic initiatives, and capital raising for the Company and its subsidiaries.
- Group 2: Employees who drive business development initiatives, including building long-term partnerships with investors, efficient capital allocation, rigorous risk management, investment in strategic business areas and talent development; introducing new product development innovations that deliver positive outcomes; technology innovations and initiatives that help improve products and enhance production efficiency.
- Group 3: Employees who concurrently hold additional positions within the same company in the Group or at two or more companies within the Group.
- Group 4: Employees who participated in specific projects during the preceding year.

Principle 2: Within each employee group classified under Principle 1 above, the number of shares allocated to each individual employee shall be determined based on the following criteria:

- Group 1: The number of shares distributed to each employee in Group 1 is calculated based on 5 criteria:

- The Company's Business Results Coefficient (Criterion 1):

Company's business results	Company's Business Results Coefficient (a)
Failure to meet the Business Plan	Up to 0.65
Achieving a low-level business plan	0.65 – 0.8
Within the framework of the business plan at the low and high level	0.8 – 0.9
Meet or exceed the business plan at a high level	0.9 – 1.0

- Department's Work Results Performance Coefficient (Criterion 3):

Department's work results performance	Department's work results performance Coefficient (b)
Failure to meet KPI plans	Up to 0.6
Achieving a business plan	0.6 – 0.8
Exceeding the business plan	0.8 – 1.0

- Rank coefficient, including position, salary and rank (Criteria 4,5,6):

Rank	Rank point	Rank Ratio (1 point = 0.0001 Ratio) (c)
Employee rank (rank 6)	3.5 - 4	0.00035 – 0.0004
Employee rank (rank 5)	4.5 – 5.5	0.00045 – 0.00055
Employee rank (rank 6)	6 - 10	0.0006 – 0.001
Rank of team leader, head of Department (rank 3)	25 - 60	0.0025 – 0.006
Rank of manager, professional director (rank 2)	80 - 150	0.008 – 0.015
Rank of Board of Directors, Executive (rank 1)	200 or more	0.02 or more

- Work coefficient (Criteria 2, 3): is a coefficient that shows the work nature (assigned responsibilities and workload in charge), the results of individual contributions to the development of the Company and its subsidiaries, the importance of each employee to the results and efficiency of completing the work of the department and the business results of the Group in 2025.

Work nature, contribution, importance level	Work Coefficient (d)
Less important	0.1 – 0.49
Important	0.5 – 0.99
Very important	1 - 2

- Ratio of individual work completion results (Criterion 3):

Note: Employees who have worked for less than 6 months will be divided by 2.

Individual work completion results	Ratio of individual work completion results (e)
Failing KPIs	0.11 – 0.49
Achieve KPI plans	0.5 – 0.70
Exceeding KPI plans	0.71 – 0.99
Exceeding KPI (excellent)	1 or more

- Employees who successfully complete their work, exceed the plan, and bring significant contributions to the development of the Company and its subsidiaries will be distributed an additional amount of shares as follows (Criterion 1):

Results of individual work completion	Number of additional shares distributed (g)
Exceeding the KPI plan with a coefficient of 1 – 1.04	100,000
Exceeding the KPI plan with a coefficient of 1.05 - 1.09	150,000
Exceeding the KPI plan with a coefficient of 1.1 - 1.14	200,000
Exceeding the KPI plan with a coefficient of 1.15 - 1.19	250,000
Exceeding the KPI plan with a coefficient of 1.2 - 1.24	300,000
Exceeding the KPI plan with a coefficient of 1.25 - 1.29	350,000
Exceeding the KPI plan with a coefficient of 1.3 or more	380,000

Formula for calculating ESOP shares of each person in this group: Based on 05 criteria mentioned above, the shares purchased by each employee are determined according to the following formula (rounded):

$$ESOP_i = \text{Maximum total ESOP shares} \times (a) \times (b) \times (c) \times (d) \times (e) + (g)$$

In which:

- ESOP_i: Số cổ phiếu ESOP của Người lao động (i) được quyền mua
- Maximum total number of ESOP shares: is the total maximum number of ESOP shares issued approved by the General Meeting of Shareholders, equal to 14,459,154 shares
- (a): Business result coefficient of the member company where employee (i) works
- (b): It is the coefficient of the work completion result of the employee's department (i)
- (c): It is the rank coefficient of the employee (i)
- (d): It is the work coefficient of the employee (i)

- (e): It is the coefficient of the Employee's individual work completion result (i)
- (g): Number of shares Employee (i) will be distributed due to excellent completion of work in 2025

To ensure that the number of issued shares does not exceed the number of shares allowed to be issued, the number of ESOP shares of each person in this group will be rounded down to the unit row.

- Group 2: The number of shares distributed to each employee in Group 2 is calculated based on 3 criteria:
 - Business development initiative efficiency,
 - Position rank coefficient,
 - Individual contribution coefficient.

This time, the Company did not issue ESOP shares to this group.

- Group 3: The number of shares distributed to each employee in Group 3 is calculated based on 3 criteria:
 - Part-time position coefficient,
 - Part-time time coefficient,
 - The coefficient of the individual's work results.

This time, the Company did not issue ESOP shares to this group.

- Group 4: The number of shares distributed to each employee in Group 4 is calculated based on 3 criteria:
 - Project efficiency coefficient,
 - Position rank coefficient,
 - Individual contribution coefficient.

This time, the Company did not issue ESOP shares to this group.

The formula for calculating ESOP shares and the principle of determining the number of issued shares of each employee:

- **The maximum number of ESOP shares issued** by employees is the total number of shares that employees are issued in each group.

Based on the above standards and principles, the Board of Directors shall decide on the list of employees participating in the ESOP Program and the number of shares distributed to each employee.

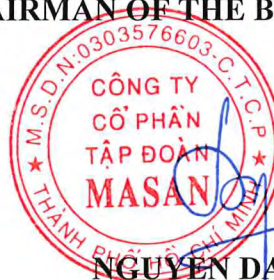
After allocating shares according to the standards, principles and criteria in this Regulation, depending on the important nature of the position and personnel capacity, the Board of Directors will balance and adjust the final number of ESOP shares allocated to employees if necessary.

4.7. Adjustment, amendment, and supplement of ESOP Program:

- The Company's BOD reserves the right to adjust, amend, supplement, and replace the Policy of ESOP Program in accordance with the provisions of current laws and the actual situation of The Company and Member Companies.
- When there are new provisions of law related to employee stock option plan, this Policy will be adjusted accordingly.

HCMC, day 1 month June year 2026

**MASAN GROUP CORPORATION
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**



NGUYEN DANG QUANG

